



zhú gān

竹竿

Noun · bamboo pole

Example Sentences

zhè shì yī gēn zhú gān
这是一根竹竿。

This is a bamboo pole.

tā xiǎo xīn yì yì dì yòng zhú gān chēng chuán chuān guò xiá zhǎi de hé dào
他小心翼翼地用竹竿撑船，穿过狭窄的河道。

He carefully used a bamboo pole to punt the boat through the narrow waterway.

yé yé yòng zhú gān liàng yī fú
爷爷用竹竿晾衣服。

Grandpa uses a bamboo pole to hang clothes.

Trace each character, then write the word on your own.

竹竹竹竹竹竹竹竹竹

竿竿竿竿竿竿竿竿竿竿竿